

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/01/2025.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Danh.

2. Ông Thạch Văn Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Văn Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**

Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Số A, đường N, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* ông Lâm Thanh B, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số B, Xóm B, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2024, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:**

Vào năm 2014, ông Lâm Thanh B và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng

nhận kết hôn vào ngày 15/5/2014; thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống đến nay. Do đó, bà N khởi kiện, yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết cho bà N được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N và ông B có với nhau 03 người con chung tên Lâm Nguyễn Chấn K, sinh ngày 18/3/2015; Lâm Nguyễn Chấn N1, sinh ngày 28/7/2016; Lâm Nguyễn Chấn H, sinh ngày 28/7/2016, hiện đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung đến khi đủ tròn 18 tuổi và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N tự trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*- Đối với bị đơn ông Lâm Thanh B:*

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cụ thể: Bà N được ly hôn với ông B. Giao cả 03 con chung tên Lâm Nguyễn Chấn K, sinh ngày 18/3/2015; Lâm Nguyễn Chấn N1, sinh ngày 28/7/2016; Lâm Nguyễn Chấn H, sinh ngày 28/7/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Bà N không có yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Bà N tự trình bày, không có, không yêu cầu giải quyết, ông B không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát

viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Lâm Thanh B. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn cư trú tại Số B, Xóm B, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Nguyên đơn bà N vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, bị đơn ông B vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các được sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nguyên đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông B vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà N và bị đơn ông B tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 41/2014 ngày 15-5-2014. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà N và ông B đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông B là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn bà N và ông B chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm mặc dù hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên không còn sống chung từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữ ông, bà đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N, cho bà N ly hôn với ông B là phù hợp.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông B có với nhau 03 người con chung tên Lâm Nguyễn Chấn K, sinh ngày 18/3/2015; Lâm Nguyễn Chấn N1, sinh ngày 28/7/2016; Lâm Nguyễn Chấn H, sinh ngày 28/7/2016. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung đến khi đủ tròn 18 tuổi và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung hiện đang sống chung với bà N, cuộc sống đã ổn định, ông B không có ý kiến trình bày phản đối với yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà N; đồng thời theo biên bản lấy lời khai của cháu L Nguyễn Chấn K, của cháu L Nguyễn Chấn H và cháu L Nguyễn Chấn N1 cùng ngày 25-11-2024, thì cả 03 cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là

bà Nguyễn Thị N nên Hội đồng xét căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao con chung cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi 18 tuổi là có căn cứ, bà N không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nưng tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Như đã nhận định, phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lâm Thanh B.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Lâm Nguyễn Chấn K, sinh ngày 18/3/2015; Lâm Nguyễn Chấn N1, sinh ngày 28/7/2016; Lâm Nguyễn Chấn H, sinh ngày 28/7/2016 cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi các con chung đủ tròn 18 tuổi. Ông Lâm Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không người nào được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Lâm Thanh B phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số: 0005198 ngày 15-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND T. Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- UBND Phường 7, TP. Sóc Trăng;
- T. ST;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Trúc**